

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3-ĐỒNG THÁP**

Bản án số: 17/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 27-01-2026

V/v tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3-ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Hồng Quyên**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phùng Văn Long**

Ông **Lê Văn Nghĩa**

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Trương Tấn Thành- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 3-Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3-Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Duy Ngọc Thái- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3-Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 443/2025/TLST-HN ngày 21 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã N, tỉnh Đồng Tháp (trước đây là ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang).

- Bị đơn: Chị **Lê Thị Hồng T**, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã C, tỉnh Đồng Tháp (trước đây là ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Anh và chị T sống chung với nhau vào năm 2021, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, được Ủy ban nhân dân xã cấp giấy chứng nhận kết hôn số 39 ngày 06/5/2021. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 9 năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, do bất đồng

quan điểm sống, cuộc sống không hòa hợp về nhiều mặt, đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Ly thân từ đó cho đến nay, mạnh ai người nấy sống không còn quan tâm nhau. Do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Hồng T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Tường V - sinh ngày 17/01/2021. Khi ly hôn, anh C yêu cầu chị T là người tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.000.000đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành, lao động được.

- Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: có đơn xin vắng mặt có bản tự khai trình bày xin ly thân và không đồng ý ly hôn, xin tiếp tục nuôi con, quyền cấp dưỡng do quyền quyết định anh C, về tài sản: không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu chị T tiếp tục nuôi con chung là cháu Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 17/01/2021, về cấp dưỡng: anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu V 1.000.000đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành, bị đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Nguyễn Văn C, anh C được ly hôn với chị T.

+ Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 17/01/2021, cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Anh Nguyễn Văn C được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

+ Về cấp dưỡng: Anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là cháu V 1.000.000đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn và yêu cầu chị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung nên đây là “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp L, xã C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3-Dồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về hôn nhân:

Anh và chị T tự nguyện quen nhau và sống chung với nhau vào năm 2021, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, được Ủy ban nhân dân xã cấp giấy chứng nhận kết hôn số 39 ngày 06/5/2021 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Anh C cho rằng: Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 9 năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng không có tiếng nói chung, không quan tâm nhau, ly thân từ đó tới nay. Do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết: anh xin được ly hôn với chị T.

Thấy rằng, giữa anh chị không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, theo tờ tự khai chị T xin ly thân, anh C không đồng ý, chị T không có biện pháp nào hàn gắn hôn nhân của anh chị, anh C vẫn kiên quyết xin ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Tường V - sinh ngày 17/01/2021, anh yêu cầu chị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Hiện cháu V đang sống với chị T để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo cho sự phát triển bình thường của cháu V, quá trình giải quyết vụ án chị T có ý kiến chị xin tiếp tục nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh C. Nếu sau này chị T, anh C có thay đổi hoàn cảnh và có tranh chấp về việc nuôi dưỡng con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

+ Về cấp dưỡng: Theo tờ tự khai chị T có ý kiến “cấp dưỡng do quyền quyết định anh C”. Anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là cháu V 1.000.000đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành, lao động được, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh C, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh C là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 9; Điều 53; Điều 56, Điều 58; khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn Nguyễn Văn C

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C được ly hôn với chị Lê Thị Hồng T

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Tường V - sinh ngày 17/01/2021 cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Anh Nguyễn Văn C được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Anh Nguyễn Văn C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Ngọc Tường V - sinh ngày 17/01/2021 là 1.000.000đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành, lao động được. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương

ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn C chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008169 ngày 17/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, nên xem còn phải nộp tiếp 300.000.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Toà tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 3-Dồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã N;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hồng Quyên